

Số 100/GXN-TCMT

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2015

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
của Dự án “Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh hạ tầng  
Khu công nghiệp Bàu Bàng - Giai đoạn 1”

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN**

**I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:**

- Tên chủ dự án: Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (Becamex IDC CORP).
- Địa chỉ văn phòng: Số 230 Đại lộ Bình Dương, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Địa điểm hoạt động: Xã Lai Hưng và xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0650.3822655 Fax: 0650.3822713
- Tài khoản số: 65010000000336 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bình Dương.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV có mã số: 3700145020. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/8/2014. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án số 1163/QĐ-BTNMT ngày 03/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**II. Nội dung xác nhận:**

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng - Giai đoạn 1” (tại Phụ lục kèm theo). Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường khác của dự án cho các giai đoạn tiếp theo sẽ được xác nhận hoàn thành theo tiến độ đầu tư của dự án.

**III. Trách nhiệm của chủ dự án:**

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 và 3 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

**IV. Tổ chức thực hiện:**

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

**Nơi nhận:**

- Như mục I (02);
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Ban QL các KCN Bình Dương;
- VPMC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSMT (02), Q.10.

  
**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Văn Tài**



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 1070 /GXN-TCMT ngày 07 tháng 10 năm 2015  
của Tổng cục Môi trường)

### 1. Công trình xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải và thoát nước mưa:

- Đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa có tổng chiều dài 95.080 m bằng cống hộp và cống tròn có kết cấu bê tông cốt thép, trong đó cống tròn có đường kính: D800, D1.000, D1.200, D1.500, D2.000 và cống hộp có kích cỡ: B2.000, B2.500 và B3.000. Đã bố trí các hố gas cho hệ thống thoát nước mưa với khoảng cách trung bình giữa các hố là 30m. Nước mưa được xả ra suối Bến Ván và chảy ra sông Thị Tính thông qua 03 (ba) cửa xả chính.
- Đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải có tổng chiều dài 45.450 m bằng cống tròn bê tông cốt thép, có đường kính D300, D400, D600, D800 và D1.000.

#### 1.2. Công trình xử lý nước thải đã được xây lắp:

Đã xây dựng 01 (một) Trạm xử lý nước thải tập trung cho giai đoạn 1 và lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động để kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả ra suối Bến Ván và chảy ra sông Thị Tính. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ ;

+ Công suất xử lý: 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể thu gom, tách rác thô và lắng cát → Bể điều hoà, tách rác tinh → Bể hoá lý bậc 1 và 2 (điều chỉnh pH, keo tụ, tạo bông) → Bể lắng 1 (hoá lý) → Bể ôxy hoá nâng cao → Bể biofor hiếu khí → Bể lắng 2 (sinh học) → Bể trung gian → Cụm bể lọc áp lực → Bể khử trùng → suối Bến Ván (Kèm theo thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình);

+ Chế độ vận hành: Liên tục;

+ Hóa chất sử dụng: HCl, NaOH, PAC, Polymer.

### 2. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Đã trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu văn phòng, khu xử lý nước thải tập trung và dọc các tuyến đường giao thông trong KCN, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý;
- Đối với bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung: Bùn thải sau ép được chứa trong các bao bì và lưu giữ trong nhà chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý;
- Đối với chất thải nguy hại: Đã xây dựng kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại và thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định. Chất thải nguy hại phát sinh tại các cơ sở trong KCN do các cơ sở tự quản lý.

### 3. Công trình bảo vệ môi trường khác:

Đã hoàn thành việc trồng cây xanh cách ly các tuyến đường điện cao thế và hoàn



thành 90% diện tích trồng cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

#### 4. Chương trình giám sát môi trường của cơ sở:

##### 4.1. Giám sát nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí (Đầu ra của Trạm xử lý nước thải tập trung).
- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, SS, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, CN<sup>-</sup>, Tổng Phenol, Clorua, Coliform, Cr<sup>3+</sup>, Cr<sup>6+</sup>, As, Hg, Ni, Cu, Zn, Fe.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A, hệ số K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> = 1,0.

##### 4.2. Giám sát môi trường xung quanh:

###### 4.2.1. Giám sát chất lượng nước mặt:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 03 vị trí (suối Bến Ván - tại điểm tiếp nhận nước thải sau xử lý; suối Bến Ván – cách vị trí xả thải 500m về phía thượng nguồn và hạ nguồn).
- Thông số giám sát: pH, DO, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, NO<sub>2</sub><sup>-</sup> (tính theo Nitơ), NO<sub>3</sub><sup>-</sup> (tính theo Nitơ), NH<sub>4</sub><sup>+</sup> (tính theo Nitơ), Tổng dầu mỡ, Coliform, Cr<sup>3+</sup>, Cr<sup>6+</sup>, As, Hg, Ni, Cu, Zn, Fe.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08: 2008/BTNMT, cột A1.

###### 4.2.2. Giám sát chất lượng môi trường không khí:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 04 vị trí (Khu vực trạm xử lý nước thải tập trung; Khu dịch vụ và công trình công cộng và 02 vị trí ngoài hàng rào khu công nghiệp về phía khu dân cư gần nhất).
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, Tiếng ồn, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, Pb, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 06: 2009/BTNMT và QCVN 26: 2010/BTNMT.

###### 4.2.3. Giám sát chất lượng đất:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí (Khu vực trạm xử lý nước thải tập trung).
- Thông số giám sát: pH, Nitơ, Photpho, Pb, Cu, Zn, Cd.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03: 2008/BTNMT, TCVN 7373: 2004, TCVN 7374: 2004, TCVN 7377: 2004.

*(Chương trình giám sát môi trường kèm theo Giấy xác nhận này thay thế nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt)*

#### 5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Tổng cục Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số 100/GXN-TCMT do Tổng cục Môi trường cấp lần 01 ngày 07 tháng 10 năm 2015”.

#### 6. Yêu cầu khác:

6.1. Sau khi xây dựng xong các hạng mục công trình bảo vệ môi trường cho các giai đoạn tiếp theo của dự án Khu công nghiệp Bàu Bàng, Công ty phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định. Các công trình bảo vệ môi trường đã được xác nhận sẽ được tích hợp điều chỉnh, bổ sung vào Giấy xác nhận cho giai đoạn tiếp theo.

6.2. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.